TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025//HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh

Bà Đỗ Thị Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc:*"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú: P406 tầng 4, nhà 6 tầng, số A N, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: 5I Nathstieg, H, Đ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Đào Công T, sinh năm 1961; nơi đăng ký thường trú: số C phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Ukraine, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N trình bày:* bà Nguyễn Thị Minh N sang Ukraine sinh sống và làm việc, tại đây bà N đã gặp gỡ và quen biết với ông Đào Công T. Sau quá trình tìm hiểu, bà N và ông Đào Công T đã quyết định tiến tới hôn nhân. Ngày 15/9/2003, bà N và ông Đào Công T đăng ký kết hôn tại Đ1 tại Ukraine và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/03, quyển số 01.

Sau khi kết hôn, bà N và ông T chung sống cùng nhau tại Ukraine. Thời gian đầu, vợ chồng cùng nhau phấn đấu làm ăn, tích lũy, xây dựng cuộc sống hôn nhân gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu năm 2014, hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do áp lực công việc và những khó khăn trong cuộc sống nơi đất khách quê

người đã khiến vợ chồng mệt mỏi, thường xuyên xảy ra tranh cãi; bất đồng quan điểm, không thể hoà hợp được nữa. Bà N và ông T đã cố gắng ngồi lại, trao đổi với nhau để tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2014, bà N và ông T đã sống ly thân, ông T cũng cắt đứt liên lạc với bà N.

Năm 2022, xảy ra chiến tranh tại Ukraine, bà N đã chuyển sang Đức sinh sống theo diện tị nạn. Nghĩ đến bản thân vẫn đang mắc kẹt trong cuộc hôn nhân không còn tình cảm và không có trách nhiệm liên đới, bà N muốn được ly hôn với ông T. Bà N đã tìm cách liên hệ và thăm hỏi thông tin của ông T nhưng không tìm được thông tin gì, bà N về Việt Nam tìm kiếm thông tin của ông T thì được biết ông T vẫn giữ liên lạc với anh, em ruột tại Việt Nam. Cụ thể là trước khi sang Ukraine sinh sống và làm việc, ông T sinh sống cùng bố mẹ và anh em ruột tại địa chỉ: số C N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Bố mẹ ông T đã mất, anh em ruột của ông T vẫn đang sinh sống tại căn nhà ở số C N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Anh em ruột của ông T vẫn giữ liên lạc với ông T, tuy nhiên khi bà N liên hệ để xin cách thông tin, địa chỉ hiện nay của ông T thì họ từ chối hợp tác.

Bà N không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

- Về con chung: không có, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản, nợ chung: không có, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do phải trở lại Đ sinh sống và làm việc, nên không thể có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia giải quyết vụ án được, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng G; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho bà N biết.

* Tại Công văn số: 464/XNC(Đ1) ngày 13/02/2025, của Phòng Q - Công an tỉnh Q cung cấp về thông tin xuất nhập cảnh của ông Đào Công T như sau: trường hợp Đào Công T, sinh ngày 08/3/1961; nơi sinh: Hưng Yên đã xuất, nhập cảnh 06 lần; lần gần nhất sử dụng hộ chiếu N1195934 (do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp) xuất cảnh ngày 14/8/2014 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N1. Chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 và ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đối với ông Đào Công B, là em trai của ông Đào Công T; địa chỉ: số C N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, thể hiện nội dung: ông B được biết vợ chồng ông T - bà N hiện nay đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Trước khi chiến tranh xảy ra thì ông T và bà N sinh sống ở Ukraine, từ khi xảy ra chiến tranh thì ông T ở bên Đức, nhưng không biết địa chỉ cụ thể; còn bà N thì ông B không biết ở đâu. Trước khi U xảy ra chiến tranh thì ông T thường xuyên gọi điện về cho ông B và gia đình ở Việt Nam, nhưng từ khi có chiến tranh thì thỉnh thoảng ông B mới gọi điện về cho gia đình, còn ông B và gia đình không chủ động gọi điện hoặc liên lạc được với ông T. Sau buổi được làm việc với Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và nhận 01 bản Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 05/2025/TB-TLVA ngày

21/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, ông B đã thông báo lại toàn bộ nội dung cho ông T được biết, khi ông T gọi điện thoại về cho ông B. Còn việc ông T có về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết ly hôn với bà N hoặc làm bản tự khai gửi về Tòa án hay không thì ông B không rõ.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh N đối với ông Đào Công T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn"*; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N và bị đơn ông Đào Công T hiện đang sinh sống, làm việc tại nước Cộng hòa Liên bang Đ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đào Công T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân trong gia đình, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi ông Đào Công T đăng ký thường trú. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh N và ông Đào Công T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Đ1 tại Ukraine ngày 15/9/2003, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà N và ông T chung sống tại Ukraine. Thời gian đầu, vợ chồng cùng nhau làm ăn, xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo bà N trình bày: từ đầu năm 2014, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do áp lực công việc và những khó khăn trong cuộc sống nơi đất khách quê người đã khiến vợ chồng mệt mỏi, thường xuyên xảy ra tranh cãi; bất đồng quan điểm, không thể hoà hợp được nữa. Bà N và ông T đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2014, bà N và ông T đã sống ly thân, ông T cũng cắt đứt liên lạc với bà N. Năm 2022, xảy ra chiến tranh tại Ukraine, bà N sang Đức sinh sống theo diện tị nạn, bà N muốn ly hôn với ông T nhưng không tìm được thông tin và cách liên hệ với ông T. Bà N đã về Việt Nam tìm kiếm thông tin của ông T thì được biết ông T vẫn giữ liên lạc với anh, em ruột của ông T tại địa chỉ: số C N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thì được biết là ông T vẫn liên lạc với anh em ruột. Khi bà N liên hệ để xin thông tin, địa chỉ hiện nay của ông T thì bị từ chối. Bà N không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T. Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: bà N và ông T không còn tồn tại đời sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N đối với ông T.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Minh N trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Minh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh N được ly hôn với ông Đào Công T.

[2] Về con chung: không có, bà Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, bà Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005960 ngày 21/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: bà Nguyễn Thị Minh N và ông Đào Công T được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng